

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần BDLand ngày 20 tháng 9 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 429 /TTr-CCBVMT ngày 02 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần BDLand, địa chỉ trụ sở chính tại số 130, đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố Tân Long, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư Khu nhà ở thương mại ven sông Thạnh Phước tại phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu nhà ở thương mại ven sông Thạnh Phước

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 3702056880 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở

Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 6 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3702056880

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư Khu nhà ở với đầy đủ các hạ tầng kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án 11.776,0 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công*). Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 1044/GXN-STNMT ngày 23 tháng 3 năm 2021.

- Công suất: Khu nhà ở gồm 68 căn nhà liên kế, dân số 272 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần BDLand được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần BDLand có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

SỞ
GUYỄN
TRƯỜNG
NH

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 04 tháng 11... năm 2022 đến ngày 04 tháng 11....năm 2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Khu nhà ở thương mại ven sông Thạnh Phước tại phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CP BDLand;
- Sở Xây dựng;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- UBND phường Thạnh Phước;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThHa5.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 80 /GPMT-STNMT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh với lưu lượng khoảng $13\text{m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 02: Nước thải xám phát sinh từ nhà bếp, bồn rửa chén với lưu lượng khoảng $10\text{m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 3: Nước thải từ bồn rửa tay, tắm rửa, giặt giũ với lưu lượng khoảng $19,9\text{m}^3/\text{ngày}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Đồng Nai tại tổ 3, khu phố Dư Khánh, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tổ 3, khu phố Dư Khánh, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 611776,7$, $Y = 1214763,3$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $56\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (trung bình $2,4\text{m}^3/\text{giờ}$).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý (sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $56\text{m}^3/\text{ngày}$) phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và được giám sát trước khi xả tự chảy ra sông Đồng Nai bằng đường ống HDPE đường kính 75mm với chiều dài 33m. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

- Hình thức xả: Xả trực tiếp vào sông Đồng Nai.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (Cột A, $K = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/L	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Coliform	MPN/100 mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống uPVC D60mm, D90mm, D114mm dẫn về bể tự hoại đặt dưới mỗi căn hộ để xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào đường ống uPVC D114mm và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống HDPE D250mm.

- Nguồn số 2: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp được thu gom bằng đường ống uPVC D42mm, D60mm, D90mm sau đó đầu nối vào đường ống uPVC D114mm và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống HDPE D250mm.

- Nguồn số 3: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa tay, nước thải tắm rửa, giặt giũ,... được thu gom bằng đường ống uPVC D42mm, D60mm, D90mm sau đó đầu

nối vào đường ống uPVC D114mm và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống HDPE D250mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đen (sau bể tự hoại) + Nước thải còn lại → Hồ thu (thể tích $15,7m^3$) → Bể điều hoà (thể tích $19,5m^3$) → Bể sinh học thiếu khí (thể tích $11,5m^3$) → Bể sinh học hiếu khí (thể tích $28,2m^3$) → Bể lắng sinh học (thể tích $14m^3$) → Bể trung gian (thể tích $6,3m^3$) → Bồn lọc cát (kích thước $D \times H = 0,6 \times 2m$) → Khử trùng → Sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: $56 m^3/ngày.đêm$

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất dinh dưỡng (mật rỉ đường), Javen ($NaOCl$ 10%).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí của bể hiếu khí khi có sự cố; chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể thiếu khí. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Khi có khoảng 30% (khoảng 81 người) dân sinh sống, dự kiến vận hành thử nghiệm 3 tháng từ 20/01/2023 đến 20/04/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Mẫu đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại hồ thu gom).

- Mẫu đầu ra của ống xả thải sau xử lý (theo vị trí được cấp phép tại phần A của phụ lục này, tọa độ: $X = 611776,7$, $Y = 1214763,3$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°))

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá

trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

2.3.1. Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải:

- Thời gian đánh giá: 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.
- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: mẫu tổ hợp tại hồ thu và sau bồn lọc áp lực.

- Tần suất quan trắc: 15 ngày/lần.

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, Tổng chất lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, sunfua (H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat (PO₄³⁻), Tổng Coliform.

2.3.2 Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải

Thời gian đánh giá: 7 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh.

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: mẫu đơn tại hồ thu (đầu vào) và sau bồn lọc áp lực (đầu ra).

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại hồ thu và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra sau bồn lọc áp lực).

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, Tổng chất lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (H₂S), Amoni (tính theo N), nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Photphat (PO₄³⁻), Tổng Coliforms.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 80 /GPMT-STNMT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải của dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: tại ống thải của hệ thống xử lý mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, tọa độ: X = 611756,4, Y = 1214796,1 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24/24).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $k_p=1$, $k_v=0,8$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	50		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh hải để đưa về hệ thống xử lý mùi:

Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải chủ yếu là H₂S, NH₃, CH₃SH được thu bằng quạt hút (công suất 1000m³/giờ) qua các đường ống uPVC đường kính 150mm về hệ thống xử lý mùi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi hôi → Đường ống dẫn → Quạt hút (lưu lượng $1000\text{m}^3/\text{giờ}$) → Tách ẩm → Hấp phụ bằng than hoạt tính (Tháp hình trụ, $D = 0,5\text{m}$, chiều cao 2m) → Ống phát thải (Ống uPVC, chiều cao 2m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vật liệu tách ẩm (dày 3mm), than hoạt tính dạng viên nén với khối lượng khoảng 100kg , tần suất thay thế khoảng 3 tháng/lần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải (dự kiến từ 20/01/2023 đến 20/04/2023).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống thải xả khí thải của hệ thống xử lý mùi (theo vị trí được cấp phép tại phần A của phụ lục này, tọa độ $X = 611756,4$, $Y = 1214796,1$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý mùi theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: 7 ngày liên tiếp

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: mẫu đơn tại ống thải khí thải.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần.

- Thông số quan trắc: H_2S , NH_3 , CH_3SH .

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này

SỞ
NGUYỄN
TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG

trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu hấp phụ để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



A handwritten signature in blue ink is located at the bottom right of the page.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 80 /GPMT-STNMT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: tại nhà điều hành của trạm xử lý nước thải, tọa độ: X= 611758,5; Y=1214797,3 (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; tạo khoảng cách cách ly và trồng cây xanh trong khuôn viên trạm xử lý nước thải theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng - QCVN 01:2021/BXD.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 80 /GPMT-STNMT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	108
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	64
3	Linh kiện, thiết bị điện tử	16 01 13	176
4	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	32
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại: chai xịt thơm phòng, chai xịt côn trùng....	18 01 02	100
6	Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải	16 01 05	32
7	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	16 01 09	32
8	Dầu, nhớt thải	17 02 04	32
9	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	16 01 10	72
10	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý mùi hôi	12 10 04	400
TỔNG KHỐI LƯỢNG			1.048

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	3.240
2	Vật liệu hút ẩm thải	50
TỔNG KHỐI LƯỢNG		3.256

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của căn hộ, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...), khối lượng khoảng 292 kg/ngày = 8.760 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích $4m^2$ (kích thước $2,3 \times 1,8m$, bố trí kệ chia thành các tầng, trong đó bố trí 09 thùng chứa chất thải 30 lít). Kết cấu: Tường gạch dày 100, trát bê tông dày 75mm, mái tôn che kín nắng, mưa, nền bằng bê tông cốt thép, lán bê tông đảm bảo kín khít không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn bên ngoài vào. Nền của nhà cao hơn so với cao độ của lòng đường 0,3m. Nhà chứa chất thải nguy hại có cửa và khoá nhằm đảm bảo an toàn. Vị trí đặt sát trạm xử lý nước thải, bên trong bố trí thùng chứa rác thải nguy hại và bình chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bùn được chứa trong bể chứa bùn (thể tích $16,8m^3$) của trạm xử lý nước thải. Thời gian hút bùn định kỳ: 03 tháng lần hoặc khi đầy. Vật liệu hút ẩm sẽ được lưu chứa trong nhà điều hành, định kỳ chuyển giao, xử lý theo quy định.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: không có

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Các hộ gia đình sẽ tự trang bị các túi đựng rác, phân loại và cho vào các thùng rác có nắp đậy (03 thùng/ điểm đặt) bố trí tại các vị trí dọc theo tuyến đường nội bộ với khoảng cách khoảng 20-30m, dán nhãn để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn thông thường; thể tích mỗi thùng 240 lít.

- Định kỳ 3 lần/tuần thì đơn vị có chức năng đưa xe chuyên dụng đến thu gom rác và vận chuyển đến nơi xử lý tập trung của tỉnh. Các hộ dân sẽ đóng phí trực tiếp cho ban quản lý khu nhà.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại

điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

9

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 80 /GPMT-STNMT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.